

Số: 02/2021/QĐST-HNGĐ

Chợ Đồn, ngày 23 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hiến Công Hanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Điền và Bà Lục Thị Xinh

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 55, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2020/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 06 năm 2020.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Y – sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHKT: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

* *Bị đơn:* Anh Nông Văn D – sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Chỗ ở hiện nay: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Ông Nông Văn Th – sinh năm 1956

- Bà Triệu Thị T – sinh năm 1960

Đều trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1960
- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989

Đều trú tại: Thôn Q, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Ông Chu Văn Th – sinh năm 1974

Trú tại: Tổ D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Ông Nông Văn Th1 – sinh năm 1982

Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Ông Nông Văn Th2 – sinh năm 1987.

Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Ông Bé Đình Th, sinh năm 1945 và Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1945

Đều trú tại: Tổ N, Phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Y và anh Nông Văn D thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Giao con chung Nông Hiểu Q, sinh ngày 15/12/2009 cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi và anh Nông Văn D phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Phương thức cấp dưỡng thực hiện hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng khi quyết định, bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Nông Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3 *Về tài sản chung:*

Giao cho anh Nông Văn D được toàn quyền quản lý, sở hữu và sử dụng đối với các tài sản là:

- 01 (một) căn nhà xây 02 tầng xây dựng từ năm 2013 mái thái gác lửng, nền lát gạch hoa, cột bê tông chịu lực, tường dày 10cm, rộng 06m, sâu 17m giữa các tầng có cầu thang tay vịn bằng gỗ lim và thửa đất số 216, tờ bản đồ số 33 tại địa chỉ tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Diện tích 177,8m², mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác, hiện nay trên đất có căn nhà 02 tầng nêu trên. Thửa đất vẫn giữ nguyên diện tích được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sêri BS 012537, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất CH04232 cấp ngày 31/12/2013 cho hộ bà Hoàng Thị Th và ông Bé Đình Th. Thửa đất có tứ cận tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông Bắc giáp thửa đất số 189 của hộ Nguyễn Văn Tr.
- + Phía Tây giáp thửa đất số 215 của hộ ông Bé Đình Th (hiện nay hộ ông Nguyễn Tiến Kh đang sử dụng).
- + Phía Đông Nam giáp thửa đất số 217 của hộ ông Nông Quang M.
- + Phía Nam giáp đường dân sinh tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.
- + Phía Bắc giáp thửa đất số 170 của hộ ông Bé Đình Th (hiện nay hộ ông Nguyễn Tiến Kh đang sử dụng);

Tổng trị giá nhà và đất là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng). Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật anh D có trách nhiệm kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và gia hạn quyền quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- 02 (hai) tivi màn hình phẳng 32 inch và 49 inch của Sony, trị giá: 0 đồng;
- 01 (một) tủ lạnh Toshiba, trị giá: 0 đồng;
- 01 (một) tủ lạnh Sharp, trị giá: 9.250.000 đ (chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng);
- 03 (ba) bộ máy tính Samsung để bàn mua năm 2011, 2014, 2017 trị giá: 0 đồng;
- 01 (một) bình nóng lạnh nhãn hiệu Rossi 20 lít, trị giá: 0 đồng;
- 01 (một) điều hòa nhãn hiệu Daikin, trị giá: 6.187.500đ (sáu triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng);
- 01 (một) kệ ti vi gỗ dổi, hai ngăn, trị giá: 3.937.500đ (ba triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng);
- 02 (hai) giường gỗ kháo kích thước 1,6m x 2m , trị giá: 2.000.000đ (hai triệu đồng);
- 01 (một) máy giặt Toshiba, trị giá: 0đ ;
- 01 tủ gỗ kháo ba ngăn (01 ngăn kính và 02 ngăn gỗ) kích thước cao 1m84, ngang 1m67, rộng 54cm , trị giá: 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng);
- 01 (một) đồng hồ cây bằng gỗ xoan mộc kích thước cao 1m30, dày 17cm, rộng 28cm xung quanh ốp gỗ, khắc họa tiết, có mặt đồng hồ và quả lắc, trị giá: 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng);
- 01 (một) máy cắt chữ vi tính nhãn hiệu Refine MH 721, trị giá: 1.380.000đ (một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng);
- 01 (một) máy in bạt khổ 3,2m nhãn hiệu Baytal 3288, trị giá: 192.000.000 đ (một trăm chín mươi hai triệu đồng);

- 01 (một) tủ đứng khung nhôm hai ngăn kích thước cao 1m88, ngang 1m47, rộng 59cm, trị giá: 1.500.000 đ (một triệu năm trăm nghìn đồng);

- 01 (một) xe máy của hãng Honda nhãn hiệu Wave alpha, trị giá: 5.000.000 đ (năm triệu đồng);

- 01 (một) bộ bàn ghế gỗ dổi mỡ dạng hộp mua năm 2018, gồm: 02 (hai) ghế dài dạng hộp, chân tiện gỗ, 02 (hai) ghế gỗ nhỏ dạng đôn cao 34cm, rộng 34cm, dày 4cm, 01 (một) bàn mặt vuông mặt kính có hộc gỗ kích thước rộng 1x1m, mặt dưới bằng gỗ dày 02cm, trị giá: 14.625.000 đ (Mười bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Tổng giá trị các tài sản trên theo kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 10/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Chợ Đồn là 242.380.000đ (hai trăm bốn mươi hai triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

** Đối với 01 (một) xe máy của hãng Honda nhãn hiệu Vision mua tháng 4/2020 mang tên chị Y hiện nay chị Y đang sử dụng chị Y và anh D không yêu cầu tòa án giải quyết đối với tài sản trên;*

** Tài sản cho vay tổng số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Chị Y và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản trên.*

Đồng thời anh Nông Văn D có trách nhiệm trích chia cho chị Nguyễn Thị Y giá trị trong khối tài sản chung với số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

Số tiền trên Chị Y và anh D thống nhất được chia làm ba đợt thanh toán, gồm:

- Đợt 1: Ngày 23/9/2021 anh D thanh toán cho chị Y số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), ghi nhận đã thanh toán xong;

- Đợt 2: Trước ngày 23/10/2021 anh D thanh toán cho chị Y số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng);

- Đợt 3: Trước ngày 31/7/2022 anh D thanh toán cho chị Y số tiền còn lại 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng);

2.4. Về nợ chung:

Chị Nguyễn Thị Y và anh Nông Văn D xác định còn dư nợ của các cá nhân sau: Còn dư nợ ông Nông Văn Th và bà Triệu Thị T đều trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và ông Nguyễn Văn T trú tại thôn Q, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Chị Y và anh D thống nhất:

- Anh Nông Văn D có trách nhiệm trả toàn bộ nợ chung cho ông Th và bà T và lãi phát sinh nếu có. Chị Y và anh D không yêu cầu tòa án giải quyết đối với khoản nợ này.

- Chị Nguyễn Thị Y có trách nhiệm trả toàn bộ nợ chung cho ông T và lãi phát sinh nếu có. Chị Y và anh D không yêu cầu tòa án giải quyết đối với khoản nợ này.

2.5. *Về nợ riêng:* Chị Nguyễn Thị Y xác định có dư nợ anh Nguyễn Văn Đ trú tại thôn Q, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Khoản nợ này chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. *Về chi phí tố tụng:*

Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 6.518.932đ (sáu triệu năm trăm mười tám nghìn chín trăm ba mươi hai đồng), ghi nhận chị Nguyễn Thị Y đã nộp tạm ứng toàn bộ. Chị Y và anh D thỏa thuận mỗi người phải chịu ½ như sau:

- Chị Nguyễn Thị Y phải nộp 3.259.466đ (ba triệu hai trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. (Ghi nhận chị Y đã nộp tạm ứng đầy đủ).

- Anh Nông Văn D phải nộp 3.259.300đ (ba triệu hai trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản anh D phải nộp được hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Y đã nộp tạm ứng ban đầu.

2.7. *Về án phí:*

Chị Nguyễn Thị Y phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 10.000.000 đ (mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp là: 24.660.000đ (hai mươi tư triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 06239 ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Chị Nguyễn Thị Y được hoàn lại số tiền chênh lệch tạm ứng án phí đã nộp là 14.585.000đ (mười bốn triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm đồng).

Anh Nông Văn D phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con và 10.847.600 đ (mười triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Việc thi hành án đối với tất cả các khoản tiền trên được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự và Luật thi hành án dân sự: *Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
 - VKSND huyện Chợ Đồn;
 - Chi cục THADS huyện Chợ Đồn;
 - Các đương sự;
 - UBND xã Đ
- (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án;
 - Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hiền Công Hạnh